

UBND XÃ VŨ QUÝ
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /TB - BQLDA

V/v Niêm yết công khai dự thảo phương án
bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Nâng cấp, cải
tạo tuyến đường ĐH.16 huyện Kiến Xương
(Đoạn từ ngã 3 chợ Đác, xã Vũ Lễ đến đường
219 xã Quang Lịch)

Vũ Quý, ngày 17 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Quang Lịch;

Thực hiện công tác GPMB dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.16 huyện Kiến Xương (Đoạn từ ngã 3 chợ Đác, xã Vũ Lễ đến đường 219 xã Quang Lịch). Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Vũ Quý tổ chức niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư địa điểm tại xã Quang Lịch, tỉnh Hưng Yên. Theo điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội như sau: “Thời hạn niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, **đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày.** Thời hạn tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Để đảm bảo thực hiện đúng quy trình GPMB thực hiện dự án, kính đề nghị UBND xã Quang Lịch đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (có danh sách kèm theo) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Vũ Quý lên Cổng thông tin điện tử của UBND xã.

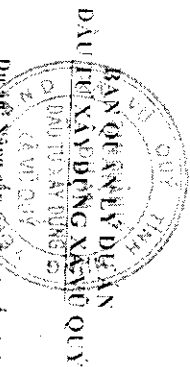
Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Vũ Quý đề nghị UBND xã Quang Lịch quan tâm giải quyết để đơn vị hoàn thành nhiệm vụ GPMB thực hiện dự án theo đúng tiến độ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: BQLDA



Nguyễn Thành Đạt



QUY ĐỊNH PHƯƠNG AN BỒI THƯỜNG VÀ HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Địa điểm: Xã Quang Lịch, tỉnh Hưng Yên.

* Căn cứ Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 15/7/2014 của Chính phủ.

* Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh

* Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh

* Căn cứ Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh

Xác định:

* Bồi thường diện tích đất nông nghiệp hàng năm thu hồi vĩnh viễn là 75.000đồng/m².

* Hỗ trợ chuyển đổi đất với phần diện tích bị thu hồi vĩnh viễn là 225.000đồng/m².

STT	Tên thửa đất	Từ hạn tích	Loại đất	Nguồn gốc	Bồi tương sử dụng đất	mã định danh cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Diện tích thửa đất theo quy hoạch	Bồi thường hỗ trợ về đất	hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc	Hỗ trợ ổn định đời sống	DY đất NN đang sử dụng	Tỷ lệ thu hồi (%)	Số thửa đất	Số thửa đất	Cư chế thường	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi NN thu hồi đất
1	504	38	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Văn Nhiệm	03407000290	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	61,6	4.620.000,0	13.860.000,0	3.060.000,0	1.248,9	4,9	3	3	1.848.000	23.388.000,0
2	505	38	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Vũ Văn Khánh, Đoàn Thị Thơm	03407000487	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	63,0	4.725.000,0	14.175.000,0	3.060.000,0	1.727,0	3,6	2	3	1.890.000	23.850.000,0
3	604	38	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Quang Khâm	03403000656	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	29,5	2.212.500,0	6.637.500,0	6.120.000,0	3.968,3	0,7	2	6	885.000	15.855.000,0
4	623	38	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Văn Thái	03409002429	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	13,6	1.020.000,0	3.060.000,0	2.040.000,0	1.208,0	1,1	2	2	408.000	6.528.000,0
5	672	38	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Quang Thịnh, Bùi Thị Nở	03405001485	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	35,4	2.655.000,0	7.965.000,0	4.080.000,0	2.325,8	1,5	2	4	1.062.000	15.762.000,0
6	671	38	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Trọng Dũng, Bùi Thị Nhàn	03408007309	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	8,1	607.500,0	1.822.500,0	3.060.000,0	2.160,0	0,4	2	3	243.000	5.733.000,0
7	258	27	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Văn Vĩnh, Vũ Thị Oe	03404000170	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	536,3	39.472.500,0	118.417.500,0	5.100.000,0	2.126,1	24,8	5	2	15.789.000	178.779.000,0
8	259	27	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Vũ Thị Hòa	03407000300	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	336,8	25.260.000,0	75.780.000,0	3.060.000,0	880,6	38,2	6	1	10.104.000	114.204.000,0
9	260	27	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Quang Tuấn, Vũ Thị Ngân	03407000444	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	206,8	15.510.000,0	46.530.000,0	9.180.000,0	1.174,3	17,6	3	6	6.204.000	77.424.000,0
10	276	27	LU/C	nhi nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Xuân Thao, Vũ Thị Thảo	03407500796	thôn Trĩ Lễ	thôn Trĩ Lễ	164,2	34.815.000,0	104.445.000,0	5.100.000,0	1.680,1	27,6	5	2	13.926.000	158.286.000,0

STT	Tên đơn vị	Tư vấn thiết kế	Loại đất	Nguồn gốc	Điều kiện sử dụng đất	Mã định danh cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ khai thác (Thôn)	Diện tích đất bồi theo quy hoạch	Giá trị bồi thường hỗ trợ về đất	Hệ quy chuyển đổi nông và lâm nghiệp	Hệ quy bồi đắp đất nông	DT đất nông nghiệp	Tỷ lệ thu hồi (%)	Số thửa	Số thửa	Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường hỗ trợ tại định cư khu NN thu hồi đất
11	28	27	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Minh Hòa, Nguyễn Thị Thuận	034030004141	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	728,8	54.435.000,0	163.595.000,0	9.181.000,0	1.357,1	55,5	0	3	21.774.000	248.661.000,0
12	4	26	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Vũ Thị Phá	03410900256	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	1.136,5	85.237.500,0	255.712.500,0	21.420.000,0	2.582,3	49,8	6	7	34.095.000	359.465.000,0
13	14	26	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Ngọc Hòa, Hoàng Thị Cẩm	034170006533	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	380,0	28.975.000,0	86.985.000,0	6.120.000,0	1.092,0	35,4	0	2	11.598.000	137.698.000,0
14	15	26	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Vũ Hải Thuận, Trần Thị Mỹ	03408501318	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	359,3	26.947.500,0	80.842.500,0	6.120.000,0	1.048,4	34,3	6	2	10.779.000	124.689.000,0
15	16	26	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Thị Khuyết	03408000115	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	499,9	37.492.500,0	112.477.500,0	6.120.000,0	1.562,0	32,0	6	2	14.997.000	171.087.000,0
16	27-35	26	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Văn Khâu, Hoàng Thị Sỹ	03414000230	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	470,6	35.295.000,0	105.885.000,0	5.100.000,0	1.616,7	29,1	5	2	14.118.000	160.398.000,0
17	36	26	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Xuân Thoa, Phạm Thị Kim Loan	034170004734	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	563,4	42.255.000,0	126.765.000,0	7.650.000,0	2.682,6	27,1	5	3	16.902.000	193.572.000,0
18	37	26	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Quang Lợi, Phạm Thị Nam	034061007335	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	223,6	20.520.000,0	61.560.000,0	7.650.000,0	2.082,6	27,1	5	3	8.208.000	97.918.000,0
19	38	26	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Quang Huy, Nguyễn Thị Trà	034160007721	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	515,0	36.625.000,0	115.875.000,0	6.120.000,0	2.003,8	13,7	3	4	15.450.000	176.070.000,0
20	39	26	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Trinh Kiên, Vũ Thị Thu	034080006079	Đoàn Trì Lê	thôn Trì Lê	275,3	20.647.500,0	61.942.500,0	10.200.000,0	2.109,3	24,4	5	4	8.259.000	101.949.000,0
21	40-41	23	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Vũ Văn Ngọc, Phạm Thị Phước	034190008171	Đoàn Đình Tân	Đoàn Đình Tân	108,6	8.145.000,0	24.435.000,0	3.060.000,0	2.051,8	13,4	3	2	3.258.000	38.898.000,0
22	33	23	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Vũ Văn Quang, Đỗ Thị Mân	341310006392	Đoàn Đình Tân	Đoàn Đình Tân	25,0	1.875.000,0	5.625.000,0	5.100.000,0	2.554,0	4,3	2	5	750.000	13.350.000,0
23	34	23	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Lương Thị Thìn	34165001507	Đoàn Đình Tân	Đoàn Đình Tân	47,5	3.562.500,0	10.687.500,0	4.080.000,0	2.466,0	1,0	2	4	1.425.000	19.755.000,0
24	35-123	23	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Lê Văn Phá, Lương Thị Mỹ	341850004036	Đoàn Đình Tân	Đoàn Đình Tân	49,1	3.682.500,0	11.047.500,0	4.080.000,0	2.466,0	1,0	2	4	1.473.000	20.283.000,0
25	36	23	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hoàng Văn Thắng, Lê Thị Luyến	34065017501	Đoàn Đình Tân	Đoàn Đình Tân	1,0	75.000,0	225.000,0	3.060.000,0	2.009,0	2,5	3	3	30.000	3.390.000,0
26	73	23	LC	nhiều nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Phạm Thế Vinh, Nguyễn Thị Như	340570003093	Đoàn Đình Tân	Đoàn Đình Tân	107,5	8.002.500,0	24.187.500,0	4.080.000,0	2.975,4	1,7	2	4	3.225.000	39.455.000,0

[illegible]

STT	Tên nhân viên	Đơn vị	Tên loại đất	Nguồn gốc	Đối tượng sử dụng đất	Mã định danh cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất (Thôn)	Diện tích thửa đất theo quy hoạch	Bãi thương hiếp trợ xã đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc	Hỗ trợ an sinh dân sinh	Đã giải quyết xong chưa	Việc thu hồi (%)	Số thửa đất	Số thửa đất bị thu hồi	Có các thửa đất	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ và chi phí khác
43	14-88	23	1.00	nhiệt đới, giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Quang Thọ, Nguyễn Thị Ngọc	0340000098	thôn Trĩ Lũ	thôn Trĩ Lũ	59,1	4.573.500,0	13.297.500,0	5.000.000,0	1.950,0	0,3	2	3	1.777.000,0	23.563.000,0
44	46	23	1.00	nhiệt đới, giao đất không thu tiền sử dụng đất	Trần Đình Phú, Trần Thị Sơn	04070000638	thôn Đoài Tân	thôn Đoài Tân	0,8	37.500,0	112.500,0	5.100.000,0	2.512,8	0,4	2	4	15.000,0	5.265.000,0
45	47	23	1.00	nhiệt đới, giao đất không thu tiền sử dụng đất	Trần Đình Thảo	0408000065	thôn Đông Tân	thôn Đông Tân	0,4	30.000,0	60.000,0	1.080.000,0	1.872,0	3,1	2	4	12.000,0	4.212.000,0
47	48	23	1.00	nhiệt đới, giao đất không thu tiền sử dụng đất	Trần Đình Liên	0405000088	thôn Đông Tân	thôn Đông Tân	1,5	117.500,0	337.500,0	4.080.000,0	1.512,0	4,2	2	4	47.000,0	4.528.000,0
48	49	23	1.00	nhiệt đới, giao đất không thu tiền sử dụng đất	Nguyễn Văn Liên		thôn Trĩ Lũ	thôn Trĩ Lũ	39,9	2.992.500,0	8.977.500,0	3.050.000,0	2.305,5	2,6	2	3	1.197.000,0	16.227.000,0
49	47-567	23	1.00	nhiệt đới, giao đất không thu tiền sử dụng đất	Vũ Bá Lộc, Phạm Thị Kiên	0340000033	thôn Trĩ Lũ	thôn Trĩ Lũ	4,8	360.000,0	1.080.000,0	3.050.000,0	1.551,0	0,0	2	3	1.44.000,0	4.644.000,0
50	612	23	1.00	nhiệt đới, giao đất không thu tiền sử dụng đất	Hoàng Thị Ngọc	03412000294	thôn Trĩ Lũ	thôn Trĩ Lũ	0,2	15.000,0	45.000,0	4.080.000,0	1.083,6	0,0	2	4	6.000,0	4.146.000,0
51	686	23	1.00	nhiệt đới, giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Thị Thủy	03415000769	thôn Trĩ Lũ	thôn Trĩ Lũ	5,1	387.500,0	1.147.500,0	2.040.000,0	1.008,0	0,1	2	2	153.000,0	3.723.000,0
52	687	23	1.00	nhiệt đới, giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đoàn Văn Văn, Hoàng Thị Ngọc	03406000251	thôn Trĩ Lũ	thôn Trĩ Lũ	0,7	52.500,0	157.500,0	3.060.000,0	2.094,0	1,9	2	3	21.000,0	3.291.000,0
TỔNG										594.840.000,0	1.794.520.000,0	257.040.000,0					237.036.000,0	2874.336.000,0